TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **151**/2018/QĐST-HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 05 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 245/2018/TLST–HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa:

+ ***Nguyên đơn***: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn TD1, xã BTh, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: số 227 đường NT, phường NL, TP.QN, tỉnh Quảng Ngãi.

+ ***Bị đơn***: Anh **Đặng Minh T**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn TD1, xã BTh, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 48, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Đặng Minh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Đặng Minh T xác định anh, chị có 02 con chung gồm: Đặng Trần Anh Th, giới tính: nữ, sinh ngày 05/6/2012; Đặng Trần Hoàng Ch, giới tính: nữ; sinh ngày 17/8/2014 (cháu Th và Ch do chị N đang nuôi dưỡng).

2.2. Về giao con: Giao cho chị Trần Thị N được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung: Đặng Trần Anh Th và Đặng Trần Hoàng Ch.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị N nuôi cháu Đặng Trần Anh Thư, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng: **2.000.000 đ** (*Hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2018 cho đến khi cháu Đặng Trần Anh Thư đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị N và anh Đặng Minh T tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Đặng Minh T xác định giữa anh, chị không có có nợ ai và không cho ai vay mượn.

2.6. Án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng);*

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng: 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, anh Đặng Minh T có N vụ nộp nhưng chị Trần Thị N tự nguyện nộp.

Tổng cộng là **300.000 đồng** *(Ba trăm nghìn đồng),* chị Trần Thị N tự nguyện chịu, nhưng chị được khấu trừ xong số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002454, ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND; Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã BTh, huyện BS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THẨM PHÁN

Lê Quang Toại